

Câu hỏi Luật Bình đẳng giới

Câu hỏi 1. Bình đẳng giới là gì?

- a) Là bình đẳng riêng cho phụ nữ.
- b) Là bình đẳng riêng đối với nam giới.
- c) Là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.
- d) Là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình.

Câu hỏi 2. Theo Luật Bình đẳng giới thì phân biệt đối xử về giới là gì?

- a) Là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
- b) Là việc gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
- c) Là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ.
- d) Tất cả các phương án trên.

Câu hỏi 3. Theo quy định của Luật Bình đẳng giới, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- a) Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới;
- b) Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức;
- c) Bạo lực trên cơ sở giới;
- d) Tất cả các hành vi trên.

Câu hỏi 4. Để thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới gia đình cần phải làm gì?

- a) Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới
- b) Giáo dục các thành viên gia đình có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình;

- c) Chăm sóc sức khỏe sinh sản và tạo điều kiện cho phụ nữ làm mẹ an toàn; Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.
- d) Tất cả các phương án trên

Câu hỏi 5. Luật Bình đẳng giới quy định hình thức xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới như thế nào?

- a) Góp ý, phê bình.
- b) Cảnh cáo, khiển trách.
- c) Xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- d) Tất cả các phương án trên

Câu hỏi 6. Luật Bình đẳng giới có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm nào?

- a) 29/11/2006
- b) 01/7/2007
- c) 01/01/2007
- d) 07/01/2007

Câu hỏi 7. Mục tiêu bình đẳng giới là gì?

- a) Là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
- b) Là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển.
- c) Là tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ.
- d) Là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Câu hỏi 8. Hành vi nào được quy định là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

- a) Cản trở thành viên ngoài gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.
- b) Không cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.
- c) Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.
- d) Tất cả các phương án trên.

Câu hỏi 9. Chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới

- a) Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.
- b) Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.
- c) Áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.
- d) Tất cả các phương án trên.

Câu hỏi 10. Luật Bình đẳng giới có mấy nguyên tắc cơ bản?

- a) 4 nguyên tắc.
- b) 5 nguyên tắc.
- c) 6 nguyên tắc.
- d) 7 nguyên tắc.

Câu hỏi 11. Ngày Quốc tế hạnh phúc là ngày tháng nào?

- a) 20/3.
- b) 30/2.
- c) 23/3.
- d) 22/3

Câu hỏi 12. Ngày Quốc tế Hạnh phúc được lấy từ ý tưởng từ đất nước nào?

- a) Vương quốc Anh.
- b) Vương quốc Bhutan.

c) Nam Phi.

d) Mỹ.

Câu hỏi 13. Ngày Quốc tế hạnh phúc được Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Ban Ki Moon chính thức công bố tại một hội nghị của Liên Hợp Quốc vào năm nào?

a) 2013

b) 2014

c) 2012.

d) 2011.

Câu hỏi 14. Hoạt động bình đẳng giới do ai, đơn vị nào thực hiện?

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

c) Tổ chức, gia đình, cá nhân.

d) Gia đình, cá nhân.

Câu hỏi 15. Luật Bình đẳng giới có bao nhiêu Chương, Điều?

a. 6 Chương, 44 Điều.

b. 6 Chương, 34 Điều.

c. 6 Chương, 54 Điều

d. 6 Chương, 45 Điều.

Câu hỏi 16. Chỉ số phát triển giới (GDI) được tính trên cơ sở nào?

a) Tuổi thọ trung bình của nam và nữ.

b) Thu nhập bình quân đầu người của nam và nữ.

c) Trình độ giáo dục của nam và nữ.

d) Tuổi thọ trung bình, trình độ giáo dục và thu nhập bình quân đầu người của nam và nữ.

Câu hỏi 17. Hoạt động Bình đẳng giới được sử dụng những nguồn tài chính nào?

a) Ngân sách nhà nước.

b) Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

d) Tất cả các phương án trên.

Câu hỏi 18. Đối tượng áp dụng Luật Bình đẳng giới là những đơn vị, cá nhân nào?

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam; Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

d) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam.

Câu hỏi 19. Khái niệm Giới được hiểu như thế nào?

a) Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ.

b) Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.

c) Chỉ đặc điểm hình thể, sinh học của nam và nữ.

d) Chỉ đặc điểm nhận dạng của nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội.

Câu hỏi 20. Quản lý nhà nước về Bình đẳng giới gồm những cơ quan nào?

a) Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các cấp.

b) Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp.

c) Bộ và cơ quan ngang Bộ.

d) Ủy ban Nhân dân các cấp.

Câu hỏi 21. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị gồm những nội dung nào?

a) Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

b) Nam, nữ bình đẳng trong: tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Nam, nữ bình đẳng trong: tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

d) Nam, nữ bình đẳng trong: tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Nhà nước. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Câu hỏi 22. Đề thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị cần biện pháp nào sau đây?

a) Bảo đảm tỷ lệ phần trăm nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;

b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

c) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

d) Cả a và b đều đúng.

Câu hỏi 23. Đối tượng nào khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ?

a. Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b. Phụ nữ cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

c) Phụ nữ cận nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

d) Phụ nữ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Câu hỏi 24. Nội dung nào sau đây được quy định là Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế?

a) Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế; Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

b) Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động xã hội và sử dụng các dịch vụ y tế; Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

c) Nam, nữ bình đẳng trong sử dụng các dịch vụ y tế; Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

d) Cả b và c đều đúng.

Câu hỏi 25. Nội dung Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định như thế nào?

a) Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ.

b) Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế.

c) Nam, nữ bình đẳng trong ứng dụng khoa học và công nghệ. Nam, nữ bình đẳng trong việc học các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế.

d) Cả a và b đều đúng.

Câu hỏi 26. Khái niệm Giới tính được hiểu như thế nào?

- a) chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.
- b) Chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ.
- c) Chỉ các đặc điểm sinh học và vai trò của nam, nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.
- d) Chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.

Câu hỏi 27. Định kiến giới là gì?

- a) Là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.
- b) Là đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.
- c) Là nhận thức, thái độ thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.
- d) Là thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

Câu hỏi 28. Luật Bình đẳng giới quy định công dân có trách nhiệm gì?

- a) Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới; Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới; Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới.
- b) Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới; Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới; Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới; Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.
- c) Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới; Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới; Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.
- d) Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới; Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới; Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.

Câu hỏi 29. Cơ quan nào thực hiện chức năng thanh tra về bình đẳng giới?

- a) Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới.
- b) Phòng Thanh tra Ủy ban Nhân dân.
- c) Hội liên hiệp phụ nữ các cấp.
- d) Các tổ chức chính trị - xã hội.

Câu hỏi 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra về bình đẳng giới gồm những nội dung nào?

- a) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.
- b) Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới theo quy định của Luật này và pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- c) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; Thanh tra việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới theo quy định của Luật này và pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính; Kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về bình đẳng giới; đề nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
- d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Luật Bình đẳng giới.

Câu hỏi 31. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động bình đẳng giới được quy định phải như thế nào?

- a) Đúng hoạt động, kế hoạch về bình đẳng giới
- b) Đúng chương trình, kế hoạch về bình đẳng giới đã đề ra.
- c) Đúng mục đích, có hiệu quả và theo quy định của pháp luật.
- d) Có hiệu quả và theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 32. Nội dung Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được quy định như thế nào?

- a) Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp.
- b) Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động

c) Nam, nữ bình đẳng trong việc tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động

d) Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

Câu hỏi 33. Để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế Luật Bình đẳng giới quy định những biện pháp nào?

a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nông thôn được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nam, nữ nông thôn được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật.

d) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật; Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 34. Nội dung Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động được quy định như thế nào?

a) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

b) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

c) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, nhận tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

d) Cả a và b đều đúng.

Câu hỏi 35. Để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động Luật Bình đẳng giới quy định những biện pháp nào?

a) Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ; Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ; Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

c) Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ; Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc.

d) Quy định nam, nữ được tuyển dụng lao động; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ; Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Câu hỏi 36. Nội dung Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định như thế nào?

a) Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

b) Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

c) Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Nam, nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

d) Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

Câu hỏi 37. Để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo Luật Bình đẳng giới quy định những biện pháp nào?

- a) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; Lao động nam, nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.
- b) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.
- c) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; Lao động nữ hộ nghèo khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.
- d) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; Lao động nam nữ hộ nghèo khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 38. Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong gia đình gồm những nội dung nào?

- a) Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.
- b) Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.
- c) Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.
- d) Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

Câu hỏi 39. Hành vi nào là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?

- a) Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính.
- b) Cố tình tuyển dụng nhiều hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ.
- c) Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ.
- d) Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định đối với lao động nam, nữ.

Câu hỏi 40. Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong các lĩnh vực nào sau đây?

- a) Trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, y tế và trong gia đình.
- b) Trong lĩnh vực chính trị, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, y tế và trong gia đình.
- c) Trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, y tế và trong gia đình.
- d) Trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thể dục thể thao, y tế và trong gia đình.